|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TỔNG QUÁT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2022)*

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt):*** | **Quản lý dự án Công nghệ thông tin** |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh)*** | **Information Technology Project Management** |
| ***- Mã số học phần*** | **CNTT1159** |
| ***- Thuộc khối kiến thức*** | **Các học phần tự chọn** |
| ***- Số tín chỉ*** | **3 tín chỉ** (45 giờ tín chỉ; 50 phút/giờ) |
| ***+ Số tiết lý thuyết*** | **30** |
| ***+ Số tiết thảo luận/thực hành***  ***+ Số tiết tự học*** | **15**  **90** |
| ***- Các học phần tiên quyết:*** | **CNTT1116** |

**2. THÔNG TIN BỘ MÔN QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY**

Bộ môn quản lý: **Bộ môn Công nghệ thông tin**

Địa chỉ: Phòng **1310 Nhà A1, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân**

Giảng viên:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ThS. Lê Thị Hoài Thu | 0912727528 | thulh@neu.edu.vn |
| ThS. Trần Thị Mỹ Diệp | 0904335056 | diepttm@neu.edu.vn |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về dự án CNTT, các nôi dung về quản lý dự án nói chung và quản lý dự án CNTT nói riêng, các công cụ hỗ trợ cho hoạt động quản lý dự án CNTT. Người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng chuyên môn để quản lý dự án CNTT. Cụ thể là: mục tiêu của dự án; khởi tạo dự án, các giai đoạn và lĩnh vực của dự án CNTT, các chức năng quản lý dự án như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát dự án, kết thúc và đánh giá dự án CNTT. Phần cuối cùng của học phần hướng dẫn cho sinh viên về một số công cụ và biểu mẫu hỗ trợ cho hoạt động quản lý dự án CNTT.

Đây là học phần giúp cho sinh viên có được kiến thức tổng hợp, liên ngành và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp khi tham gia vào dự án CNTT.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình:**

[1] Ngô Trung Việt (2006) Giáo trình Quản lí dự án CNTT, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia, Tp HCM.

[2][Kathy Schwalbe](https://www.amazon.com/s/ref=dp_byline_sr_book_1?ie=UTF8&field-author=Kathy+Schwalbe&text=Kathy+Schwalbe&sort=relevancerank&search-alias=books), 2003, IT Project Management Third Edition, Thomson Learning

**Tài liệu khác:**

[1] ] Management Institute (PMI), 2000, A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide).

[2] Stanley E Portny, Quản lý dự án for dummies 4th , 2013, (Sách dịch) ThaiHa Books 2019.

[3] Microsoft Project 2013

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mô tả**  **mục tiêu học phần** | **CĐR (PLO) của CTĐT** | **Mức độ** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn về dự án CNTT và quản lý dự án CNTT. Bao gồm: Mục tiêu dự án, các giai đoạn và lĩnh vực cần quản lý và quy trình quản lý dự án dự án CNTT (lựa chọn dự án, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát, kết thúc và đánh giá). | PLO 1.4.4 | 4 |
| G2 | Thể hiện được các kỹ năng trong nghề quản lý dự án CNTT như: Xác lập mục tiêu, lựa chọn dự án, Khởi tạo dự án, Lập kế hoạch (xây dựng WBS, ước lượng thời gian, chi phí,…), tổ chức đội nhóm thực hiện dự án, kiểm soát dự án (tiến độ, chi phí, chất lượng, truyền thông,…); các kỹ năng cá nhân như giao tiếp, thuyêt trình, viết báo cáo, phân tích vấn đề, giải quyết vấn đề liên quan đến dự án CNTT, …Đồng thời thực hiện tốt các kỹ năng quản lý dự án dựa trên sự hỗ trợ của các công cụ quản lý dự án | PLO 2.1.1, PLO 2.1.2, PLO 2.2.1, PLO 2.2.2B | 4U |
| G3 | Học phần góp phần phát triển khả năng tự làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, hiểu đúng đắn về trách nhiệm thực thi công việc và đạo đức nghề nghiệp; có hiểu biết về kiến thức liên ngành | PLO 3.1.1, PLO 3.1.2, PLO 3.2.3 | 3 |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1. Chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| **Mục tiêu** | **CLOs** | **Mô tả CLOs\*** | **Mức độ đạt được\*\*** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | CLO1.1 | Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về dự án CNTT | 4 |
| CLO1.2 | Hiểu và vận dụng được các nội dung quản lý dự án CNTT (các giai đoạn, các lĩnh vực của dự án,…) để quản lý dự án. | 4 |
| CLO1.3 | Hiểu và phân biệt được các chức năng, nhiệm vụ của người quản lý dự án (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát dự án,…) để quản lý dự án. | 4 |
| CLO1.4 | Phân biệt được kiến thức liên ngành để quản lý dự án. | 3 |
| G2 | CLO2.1 | Có kỹ năng quản lý dự án CNTT vận dụng vào các bài toán thực tế | 3 |
| CLO2.2 | Có kỹ năng viết tài liệu báo cáo, đánh giá dự án CNTT | 4 |
| CLO2.3 | Thực hành được các kỹ năng quản lý dự án trên các phần mềm và công cụ hỗ trợ quản lý dự án CNTT | 4 |
| G3 | CLO3.1 | Có khả năng tự học tập, tự tìm hiểu tài liệu để hoàn thành các bài học và bài tập được giao... Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề | 4 |
| CLO3.2 | Có ý thức tổ chức kỷ luật lớp học, tuân thủ các nội quy lớp học, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động được giảng viên giao... | 3 |
| CLO3.3 | Có năng lực làm việc nhóm, làm việc theo nhóm, hiểu đúng đắn về trách nhiệm thực thi công việc và đạo đức nghề nghiệp | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.1. Đánh giá học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **CLOs** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** |
| Chuyên cần | CLO1, CLO2, CLO3 | 10% |
| Đánh giá quá trình | CLO1, CLO2 | 40% |
| CLO1, CLO2 |
| CLO1, CLO2, CLO3 |
| Đánh giá cuối kỳ | CLO1, CLO2, CLO3 | 50% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**Bảng 8.1. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung giảng dạy\*** | **CLOs** | **Công cụ  đánh giá\*\*\*\*** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| 1 | **Làm quen, giới thiệu học phần, logic của học phần và vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT** | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 2 | **Chương 1 Tổng quan về quản lý dự án CNTT**  1.1. Sự phát triển của dự án CNTT ở Việt Nam và trên thế giới  1.2. Khái niệm về quản lý dự án CNTT  1.3. Khung tiếp cận về quản lý dự án CNTT | CLO1.1  CLO1.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 3 | **Chương 1 Tổng quan về quản lý dự án CNTT**  1.4. Các giai đoạn và các lĩnh vực quản lý dự án CNTT  1.5. Các yếu tố thành công của dự án CNTT  1.6. Người quản lý dự án CNTT | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 4 | **Chương 2. Lập kế hoạch dự án CNTT**  2.1. Phân tích môi trường dự án CNTT  2.2. Lựa chọn dự án CNTT | CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 5 | **Chương 2. Lập kế hoạch dự án CNTT**  2.3. Xác định mục tiêu dự án  2.4. Lập kế hoạch các lĩnh vực dự án CNTT | CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 6 | **Chương 2. Lập kế hoạch dự án CNTT**  2.4. Lập kế hoạch các lĩnh vực dự án CNTT | CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1  CLO2.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 7 | **Chương 3. Tổ chức thực hiện dự án CNTT**  3.1. Tổ chức nhân sự thực hiện dự án  3.2. Lựa chọn chu trình thực hiện dự án | CLO1.2  CLO1.3  CLO1.4  CLO2.1  CLO1.4 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Chất lượng câu trả lời |
| 8 | **Chương 4. Kiểm soát dự án CNTT**  4.1. Khái niệm chung về kiểm soát  4.2. Kiểm soát dự án CNTT | CLO2.1  CLO2.3  CLO1.4  CLO2.1 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 9 | **Chương 4. Kiểm soát dự án CNTT**  4.2. Kiểm soát dự án CNTT  4.3. Kiểm soát sự thay đổi trong dự án CNTT  4.4. Kết thúc và đánh giá dự án CNTT | CLO2.1  CLO2.2  CLO1.4  CLO2.3 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 10 | **Chương 5. Thực hành quản lý dự án CNTT bằng công cụ MS Project**  5.1 Giới thiệu  5.2. Thực hành lập kế hoạch dự án CNTT | CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO3.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| **Bài kiểm tra giữa kỳ (20%)** | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | Đề kiểm tra tự luận/trắc nghiệm |
| 11 | **Chương 5. Thực hành quản lý dự án CNTT bằng công cụ MS Project**  5.3. Thực hành kiểm soát dự án CNTT  5.4. Thực hành báo cáo dự án CNTT | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 12 | **Chương 5. Thực hành quản lý dự án CNTT bằng công cụ MS Project**  5.3. Thực hành kiểm soát dự án CNTT  5.4. Thực hành báo cáo dự án CNTT | CLO2.3  CLO2.2 | Mức độ tham gia  Mức độ tương tác  Mức độ hoàn thành bài tập áp dụng |
| 13-14 | **Trình bày bài tập nhóm** | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO3.3 | Phiếu đánh giá các tiêu chí:  (i) Nội dung  (ii) Hình thức  (iii) Thời gian trình bày  (iv) Mức độ hợp tác |
| 15 | **Nộp bài bài tập nhóm (20%)** | CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO3.3 | Phiếu đánh giá các tiêu chí:  (i) Nội dung  (ii) Hình thức  (iii) Thời gian nộp  (iv) Đánh giá lẫn nhau |
| - | **Bài thi cuối kỳ** |  | Theo yêu cầu bài thi |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về điều kiện thi kết thúc học phần**

* Sinh viên được tham dự thi cuối kỳ/thi kết thúc học phần (50%) nếu có điểm chuyên cần (10%) đạt mức 5 điểm trở lên (thang 10).

**9.2. Quy định về tham dự lớp học**

* Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý. Mỗi buổi vắng mặt sẽ bị trừ 1 điểm đánh giá quá trình. Sinh viên vắng quá 3 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.
* Sinh viên sẽ được cộng điểm cho mỗi lần phát biểu xây dựng bài, có thể bù đắp cho điểm chuyên cần, điểm kiểm tra.

**9.3. Quy định về hành vi lớp học**

* Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
* Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
* Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
* Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.
* Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phạm Xuân Lâm** | **TRƯỞNG KHOA/VIỆN**  **TS. Nguyễn Trung Tuấn** | **HIỆU TRƯỞNG**  **PGS.TS. Phạm Hồng Chương** |